

**CÔNG TY TNHH CMC CAR-SERVICES**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CMC CAR-SERVICES

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CMC CAR SERVICES

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400910134

**3. Ngày thành lập:** 20/04/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Km số 2, quốc lộ 17, đường Hoàng Hoa Thám, Phường Đa Mai, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 02043551553

Fax:

Email: xaydunghaiaubg@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                          | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                  | 4101        |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                            | 4102        |
| 3.  | Xây dựng công trình đường sắt                                      | 4211        |
| 4.  | Xây dựng công trình đường bộ                                       | 4212        |
| 5.  | Xây dựng công trình điện                                           | 4221        |
| 6.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                | 4222        |
| 7.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                 | 4223        |
| 8.  | Xây dựng công trình công ích khác                                  | 4229        |
| 9.  | Xây dựng công trình thủy                                           | 4291        |
| 10. | Xây dựng công trình khai khoáng                                    | 4292        |
| 11. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                              | 4293        |
| 12. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                         | 4299        |
| 13. | Phá dỡ                                                             | 4311        |
| 14. | Chuẩn bị mặt bằng                                                  | 4312        |
| 15. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                     | 4330        |
| 16. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                | 4511        |
| 17. | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                        | 4512        |
| 18. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác                                  | 4513        |
| 19. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                     | 4520(Chính) |
| 20. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác | 4530        |
| 21. | Bán mô tô, xe máy                                                  | 4541        |
| 22. | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                | 4542        |
| 23. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy              | 4543        |

|     |                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 24. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                            | 4661 |
| 25. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                 | 4663 |
| 26. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                       | 4690 |
| 27. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                    | 4752 |
| 28. | Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành                                                                         | 4921 |
| 29. | Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh                                                | 4922 |
| 30. | Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác                                                                               | 4929 |
| 31. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                        | 4932 |
| 32. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                          | 4933 |
| 33. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                               | 5510 |
| 34. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                        | 5610 |
| 35. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                | 5621 |
| 36. | Bảo hiểm nhân thọ                                                                                                       | 6511 |
| 37. | Bảo hiểm phi nhân thọ                                                                                                   | 6512 |
| 38. | Bảo hiểm sức khỏe                                                                                                       | 6513 |
| 39. | Tái bảo hiểm                                                                                                            | 6520 |
| 40. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê                                   | 6810 |
| 41. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Không bao gồm hoạt động đấu giá          | 6820 |
| 42. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Quản lý, kinh doanh, khai thác chợ | 8299 |
| 43. | Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dịch vụ vật lý trị liệu                                         | 8699 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: **THÂN MẠNH HẢI**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *12/05/1985*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *121532960*

Ngày cấp: *07/07/2015*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Bắc Giang*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số nhà 383, Tổ dân phố 1, Phường Mỹ Độ, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số nhà 383, Tổ dân phố 1, Phường Mỹ Độ, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang*